

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3568./QĐ-UBND

Nha Trang, ngày 30 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông Lê Hoạch (chết) - Lê Văn Xương (đại diện) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải – Tiểu dự án Nha Trang

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định, quy định chi tiết thi hành Luật Đất Đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành quy định về bảng giá đất ổn định định kỳ 5 năm 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc quy định bảng giá xây dựng mới các loại nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất và chi phí bồi thường một số công trình trên đất, địa bàn tỉnh Khánh Hòa;



Căn cứ Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Bảng giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây trồng trên đất bị thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 2985/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Bảng giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây trồng trên đất bị thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Văn bản số 2483/STC-QLG ngày 01/7/2022 của Sở Tài chính về việc Giá gạo để tính hỗ trợ, ổn định đời sống và ổn định sản xuất;

Căn cứ Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện BT, HT, TĐC dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt một số nội dung về BT, HT, TĐC khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Nha Trang để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang và dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp;

Căn cứ Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung tại Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v phê duyệt một số nội dung về BT, HT, TĐC khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Nha Trang để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang và dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp.

Căn cứ Thông báo số 1848/TB-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thành phố Nha Trang Về việc thu hồi đất đối với hạng mục Xây dựng Kè và đường Nam Sông Cái Nha Trang để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang, thành phố Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt bổ sung giá đất cụ thể tính bồi thường, tính tiền sử dụng đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án Nha Trang - hạng mục: Xây dựng Kè và Đường Nam Sông Cái;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa tại Văn bản số 1302/TTPTQĐ-PT ngày 25/11/2022 và của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 7133/TTr-TNMT ngày 28/11/2022,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông **Lê Hoạch (chết)** - **Lê Văn Xương (đại diện)** để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải – Tiểu dự án Nha Trang, thành phố Nha Trang, cụ thể như sau:

1. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: : **2.597.271.188 đồng**

Trong đó:

- Bồi thường về đất	:	1.365.300.000 đồng
- Bồi thường về tài sản	:	1.226.526.188 đồng
- Bồi thường về cây trồng	:	5.445.000 đồng
- Bồi thường chi phí di chuyển	:	0
- Hỗ trợ khác	:	0
2. Kinh phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ (2% kinh phí bồi thường, hỗ trợ)	:	51.945.424 đồng
- Trích cho phòng Tài nguyên và Môi trường (5% kinh phí tổ chức bồi thường hỗ trợ)	:	2.597.271 đồng
- Trích cho UBND phường Ngọc Hiệp (3% kinh phí tổ chức bồi thường hỗ trợ)	:	1.558.363 đồng
- Trích cho Tổ chức, cá nhân đã tham gia tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (1% kinh phí tổ chức bồi thường hỗ trợ)	:	519.454 đồng
- Trích cho Sở Tài nguyên và Môi trường (1% kinh phí tổ chức bồi thường hỗ trợ)	:	519.454 đồng
3. Tổng kinh phí khen thưởng (người dân được nhận nếu bàn giao đúng quy định)	:	11.000.000 đồng
4. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng và tổ chức thực hiện (=1+2+3) (đã làm tròn)	:	2.660.217.000 đồng

(Bằng chữ: Hai tỷ, sáu trăm sáu mươi triệu, hai trăm mười bảy ngàn đồng)

(Đính kèm phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa lập)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa có trách nhiệm:

- Sử dụng kinh phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ tại Khoản 2, Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

- Phối hợp với UBND phường Ngọc Hiệp giao Quyết định bồi thường, hỗ trợ đến hộ ông Lê Hoạch (chết) - Lê Văn Xương (đại diện); niêm yết công khai tại trụ sở UBND phường Ngọc Hiệp; gửi giấy mời chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Hoạch (chết) - Lê Văn Xương (đại diện).

- Phối hợp Ban Quản lý dự án Phát triển Khánh Hòa và UBND phường Ngọc Hiệp tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

- Phối hợp UBND phường Ngọc Hiệp tiếp nhận mặt bằng đất trống của hộ ông Lê Hoạch (chết) - Lê Văn Xương (đại diện) tại Quyết định số 3509../QĐ-UBND



ngày 20 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Nha Trang.

2. Hộ ông Lê Hoạch (chết) - Lê Văn Xương (đại diện):

- Nhận tiền bồi thường, hỗ trợ ghi tại Khoản 1, Điều 1 Quyết định này theo đúng thời gian quy định, đồng thời nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (nếu có) cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa để thu hồi hoặc chỉnh lý theo quy định.

- Thực hiện bàn giao mặt bằng đất trống cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày được mời chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ lần đầu.

- Trường hợp bàn giao mặt bằng đúng thời hạn (20 ngày) sẽ được nhận tiền khen thưởng ghi tại Khoản 3, Điều 1 Quyết định này.

- Trường hợp không chấp hành nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thì vẫn phải chấp hành bàn giao mặt bằng trong thời hạn nêu trên.

3. UBND phường Ngọc Hiệp phối hợp với Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa và Ban Quản lý dự án Phát triển Khánh Hòa tổ chức thực hiện theo khoản 1 điều này.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố Nha Trang, Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa, Trưởng các phòng: Tài chính – Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Quản lý đô thị, Kinh tế, Chi cục trưởng chi cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa, Giám đốc Ban QLDA Phát triển tỉnh Khánh Hòa, Chủ tịch UBND phường Ngọc Hiệp, hộ ông **Lê Hoạch (chết) - Lê Văn Xương (đại diện)** chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- UBND phường Ngọc Hiệp (niêm yết);
- Lưu : VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~3569~~./QĐ-UBND

Nha Trang, ngày 30 tháng 1 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Thu hồi đất đối với hộ ông Lê Hoạch (chết) - Lê Văn Xương (đại diện)
đang sử dụng để thực hiện dự án: Môi trường bền vững các thành phố
Duyên hải – Tiểu dự án Nha Trang**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi; bổ sung một số Nghị định, quy định chi tiết thi hành Luật Đất Đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành quy định về bảng giá đất ổn định định kỳ 5 năm 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 2978/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất thành phố Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc quy định bảng giá xây dựng mới các loại nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất và chi phí bồi thường một số công trình trên đất, địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Bảng giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây trồng trên đất bị thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 2985/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Bảng giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây trồng trên đất bị thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Văn bản số 2483/STC-QLG ngày 01/7/2022 của Sở Tài chính về việc Giá gạo để tính hỗ trợ, ổn định đời sống và ổn định sản xuất;

Căn cứ Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện BT, HT, TĐC dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt một số nội dung về BT, HT, TĐC khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Nha Trang để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang và dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp;

Căn cứ Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung tại Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v phê duyệt một số nội dung về BT, HT, TĐC khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Nha Trang để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang và dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp.

Căn cứ Thông báo số 1848/TB-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thành phố Nha Trang Về việc thu hồi đất đối với hạng mục Xây dựng Kè và đường Nam Sông Cái Nha Trang để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang, thành phố Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt bổ sung giá đất cụ thể tính bồi thường, tính tiền sử dụng đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án Nha Trang - hạng mục: Xây dựng Kè và Đường Nam Sông Cái;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa tại Văn bản số 1302/TTPTQĐ-PT ngày 25/11/2022 và của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 7132/TTr-TNMT ngày 28/11/2022,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thu hồi 744,1 m² đất đối với hộ ông Lê Hoạch (chết) - Lê Văn Xương (đại diện) đang sử dụng tại Tổ 9 Lư Cẩm - Ngọc Hiệp - Nha Trang, Thửa đất số 15, mảnh trích đo địa chính số 5 do Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa lập và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định tại mảnh

trích đo địa chính số 65-2022 ngày 24 tháng 8 năm 2022 (Tương ứng thửa đất số 98 tờ bản đồ địa chính số 13, phường Ngọc Hiệp).

Lý do thu hồi đất: Thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải – Tiểu dự án Nha Trang.

Điều 2. Phân công thực hiện:

1. Chủ tịch UBND phường Ngọc Hiệp có trách nhiệm giao Quyết định này cho hộ ông Lê Hoạch (chết) - Lê Văn Xương (đại diện) ; trường hợp ông Lê Hoạch (chết) - Lê Văn Xương (đại diện) không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản, niêm yết Quyết định này tại trụ sở UBND phường Ngọc Hiệp, tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư UBND phường Ngọc Hiệp;

2. Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý dự án Phát triển Khánh Hòa, UBND phường Ngọc Hiệp tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định, thu hồi các giấy tờ (bản gốc) về quyền sử dụng đất, về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (nếu có) của hộ ông Lê Hoạch (chết) - Lê Văn Xương (đại diện) để chuyển cho Văn phòng Đăng ký đất đai Khánh Hòa – Chi nhánh Nha Trang làm thủ tục thu hồi, chỉnh lý.

3. Văn phòng HĐND và UBND thành phố Nha Trang có trách nhiệm đăng Quyết định này trên trang thông tin điện tử của UBND thành phố Nha Trang;

4. Giao Trung tâm Phát triển quỹ đất Khánh Hòa phối hợp với UBND phường Ngọc Hiệp quản lý chặt chẽ quỹ đất đã thu hồi và bàn giao cho Ban Quản lý dự án Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải – Tiểu dự án Nha Trang

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Cơ quan, cá nhân có tên tại Điều 2 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng TNMT;
- VPĐKĐĐ Khánh Hòa – CN Nha Trang;
- Lưu : VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Thanh Liêm

UBND THÀNH PHỐ NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HÀNH PHÚC

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÀI ĐỊNH CƯ ĐỔI VỚI ÔNG LÊ
HOẠCH (CHẾT) - LÊ VĂN XƯƠNG (ĐẠI DIỆN)**

**DỰ ÁN: MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG CÁC THÀNH PHỐ DUỖN HẢI – TIỂU
DỰ ÁN NHA TRANG**

ĐỊA BÀN: PHƯỜNG NGỌC HIỆP, THÀNH PHỐ NHA TRANG

(Kèm Quyết định số: 3568/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Nha Trang)



A. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÀI ĐỊNH CƯ:

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)
1	Ông Lê Hoạch (chép) - Lê Văn Xương (đại diện) - Địa chỉ thường trú: Tô 9 Lư Cẩm - Ngọc Hiệp - Nha Trang - Địa chỉ thửa đất thu hồi: Tô 9 Lư Cẩm - Ngọc Hiệp - Nha Trang	** Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 1681/XN-UBND ngày 04/10/2022 của UBND phường Ngọc Hiệp xác nhận. (Giấy xác nhận này thay thế giấy xác nhận số 1332/XN-UBND ngày 19/8/2022 của UBND phường Ngọc Hiệp). Về nguồn gốc đất: Thửa đất số 15, mảnh trích đo địa chính số 5, đối chiếu tương ứng thửa đất số 98, tờ bản đồ địa chính số 13, phường Ngọc Hiệp; + Nguồn gốc: Nguồn gốc đất trước đây của ông Lê Hoạch quản lý sử dụng từ trước năm 1975, năm 1986 có kê khai số đăng ký ruộng đất với diện tích 3000m ² tại thửa 52 TBD số 3 với diện tích 500T+2500CN, kê ảnh chụp thực tế lớn hơn nhiều. Qua đối chiếu bản đồ năm 1996, gồm 02 thửa: 170 diện tích 3712m ² và thửa 138 diện tích 555m ² TBD số 11, tương ứng Sổ mục kê năm 2015 là thửa 59 diện tích 3500,2m ² TBD số 28 quyền số 2 (nay tách thành 03 thửa: thửa 174 diện tích 717,3m ² , thửa 179 diện tích 670m ² TBD số 28 quyền số 2) và thửa 98 diện tích 670m ² TBD số 13 quyền số 1. Ranh giới sử dụng ổn định. Ông Lê Hoạch chép, không để lại di chúc, năm 2016 các đồng thửa kê của ông Lê	1. Về đất - Tổng diện tích (15-5) - Diện tích đất thu hồi - Diện tích đất còn lại */ Bồi thường về đất - Căn cứ Khoản 1 Điều 75 Luật Đất Đai 2013 - Căn cứ quyết định số 2808/QĐ-UBND của UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 11/10/2022 về việc phê duyệt bổ sung giá đất cụ thể tính bồi thường, tính tiền sử dụng đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiêu dự án Nha Trang, Hạng mục Xây dựng Kê và Đường nam Sông Cái. - Bồi thường 100% Đất trồng cây lâu năm, Đường Hương lộ Ngọc Hiệp (doạn từ hết tỉnh xá Ngọc Trang cộng thêm 100m đến Hương lộ 45) - Phường Ngọc Hiệp, Vị trí 1, (Đơn giá: 2.460.000đ/m ²) */ Diện tích không bồi thường, không hỗ trợ Căn cứ Khoản 4, Điều 82 Luật Đất Đai 2013. Không bồi thường đối với phần diện tích 189,1m ² do lấn sông Cái Nha Trang. II. Tài sản gắn liền với đất: I. Công trình, vật kiến trúc: * TB thu hồi đất: 1848/TB-UBND ngày 31/12/2020 của UBND TP Nha Trang; * Bồi thường, hỗ trợ theo: + Khoản 4 Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh	5	6	7	8	9	10	11
				m ²	744,1				1.365.300.000	
				m ²	744,1					
				m ²	0,0					
				m ²	555,0	2.460.000	100%		1.365.300.000	
				m ²	189,1					
									1.231.971.188	
									1.226.526.188	
										2.608.271.188

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	<p>Hoạch tiến hành lập văn bản phân chia tài sản thừa kế phần đất có số hiệu: Thửa 59 Tờ bản đồ địa chính số 28 (359 599-8- (16) có diện tích 2661,7m² gồm 02 thửa 179 và thửa 180 TĐĐ ĐC số 28, trong đó ông Lê Văn Xương được toàn quyền sử dụng, được Văn phòng Công chứng Hoàng Long chứng thực ngày 08/12/2016, số công chứng 16315, Quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD.</p> <p>Thửa đất giải tỏa là thửa số 15, mảnh trích đo địa chính số 5; đối chiếu bản đồ năm 1996 là thửa 138 diện tích 555m² TĐĐ số 11 nay là thửa đất số 15, mảnh trích đo địa chính số 5; đối chiếu tương ứng thửa đất số 98, tờ bản đồ địa chính số 13 phường Ngọc Hiệp, phần diện tích này không nằm trong phần đất ông Xương được phân chia tài sản năm 2016. Hiện nay ranh giới sử dụng ổn định.</p> <p>- Thời điểm sử dụng đất : 1986.</p> <p>- Tổng diện tích đất : 744,1m².</p> <p>+ Khuôn viên, ranh giới thửa đất:</p> <p>Đông giáp: thửa 22 mảnh TĐ ĐC số 05, dài 19,98m</p> <p>Tây giáp: thửa 14 mảnh TĐ ĐC số 05, dài 26,91m</p> <p>Nam giáp: Đường Hương Lộ Ngọc Hiệp, dài 28,70m</p> <p>Bắc giáp: Sông Cái Nha Trang, dài 34,8m</p> <p>- Loại đất: đất trồng cây lâu năm.</p> <p>*Quá trình sử dụng đất:</p> <p>- Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới thửa đất : có.</p> <p>- Những thay đổi về loại đất: hiện trên đất có nhà, diện tích nhà 43,89m² (nhà và mái</p>	<p>Hòa:</p> <p>+ Tiêu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016;</p> <p>+ Mục 1.4, khoản 1, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư.</p> <p>* Áp dụng theo quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa</p> <p>- Nhà 2 tầng tường xây gạch lũng cao 1,6m kết hợp vách tole và vách vữa; cột kèo sắt kết hợp cột kèo gỗ; sàn gỗ; nền xi măng, cửa gỗ, không trần + trần nhựa, mái lợp tole; không có nhà vệ sinh.</p> <p>DTXD=DTGT: 5,7m x 7,7m = 43,89m².</p> <p>Diện tích nhà trần nhựa : (6,7m x 2,9m) + (1,2m x 4,1m) = 24,35m².</p> <p>Diện tích nhà không trần: 43,89m² - 24,35m² = 19,54m².</p> <p>+ Diện tích nhà không trần: 43,89m² - 24,35m² = 19,54m².</p> <p>(Phụ lục 1, A8; Đơn giá: 4.480.317đ/m²XD giảm 8,5% vì nhà không trần;</p> <p>Đơn giá: 4.480.317đ/m²XD - (4.480.317đ/m²XD x 8,5%) = 4.099.490đ/m²XD)</p> <p>+ Diện tích nhà trần nhựa : (6,7m x 2,9m) + (1,2m x 4,1m) = 24,35m².</p> <p>(Phụ lục 1, A8; Đơn giá : 4.480.317đ/m²XD)</p> <p>- Mái che cột kèo sắt, trần thạch cao, mái tole, nền xi măng (4,6m x 12m) + nền lát ván gỗ (5,2m x 9,9m) + nền đúc bê tông cốt thép (4,1m x 7,1m).</p> <p>Diện tích: (4,6m x 12m) + 51,48m + 29,11m = 135,79m²</p> <p>+ Nền xi măng;</p>	m ² XD	43,89	0	100%		0	80.104.035	
				m ² XD	19,54	4.099.490		100%		
				m ² XD	24,35	4.480.317		100%	109.095.719	
				m ²	135,79	0		0%	0	
				m ²	55,2	1.169.775		100%	64.571.580	

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIÀY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
		<p>che quán do ông Đợt xây năm 2003) + 36,81m² (nhà mái che quán do ông Huỳnh xây dựng năm 2013) thời điểm thay đổi: năm 2003 và 2013 (phiếu ý kiến Klaus dân cư).</p> <p>- Tình trạng nhà, đất: hộ gia đình ông Lê Văn Xương không ăn ở, sinh hoạt tại thửa đất giải tỏa.</p> <p>*Tình hình tranh chấp đối với thửa đất: tại thời điểm xác nhận nguồn gốc quá trình sử dụng đất, không có đơn thư khiếu nại.</p> <p>*Trường hợp diện tích thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng:</p> <p>- Diện tích đất theo giấy tờ : 555m².</p> <p>- Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 744,1m².</p> <p>- Diện tích đất chênh lệch tăng: 189,1m² (thời điểm lần sông trước 01/7/2014, sử dụng ổn định cho đến nay).</p> <p>- Nguồn gốc tăng do: lần Sông Cải Nha Trang.</p> <p>*Trường hợp địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ:</p> <p>- Địa chỉ thửa đất theo giấy tờ: Lư Cẩm, phường Ngọc Hiệp, tp Nha Trang</p> <p>- Địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng: Tô 9 Lư Cẩm, phường Ngọc Hiệp, tp Nha Trang.</p> <p>Nay đổi thành địa chỉ: Tô 9 Lư Cẩm Ngọc Hiệp</p> <p>(Hai địa chỉ nêu trên thực tế là cùng một thửa đất)</p>	<p>Diện tích: 4,6m x 12m = 55,2m² (Phụ lục I, B4; đơn giá: 1.078.134 đ/m² tăng 8,5% do trần thạch cao; Đơn giá: 1.078.134đ/m² + (1.078.134đ/m² x 8,5%) = 1.169.775đ/m²)</p> <p>+ Nền lát vân gỗ; Diện tích: 5,2m x 9,9m = 51,48m² (Phụ lục I, mục B4, Đơn giá: 1.078.134đ/m² tăng 15% do trần thạch cao và nền lát vân gỗ; Đơn giá: 1.078.134đ/m² + (1.078.134đ/m² x 15%) = 1.239.854 đ/m²)</p> <p>+ Nền đúc bê tông cốt thép; Diện tích: 4,1m x 7,1m = 29,11m² (Phụ lục I, B4, đơn giá: 1.078.134 đ/m² tăng 15% do trần thạch cao và do nền bê tông cốt thép; Đơn giá: 1.078.134 đ/m² + (1.078.134 đ/m² x 15%) = 1.239.854 đ/m²)</p> <p>- Hàng rào lan can sắt cao 0,8m; dài 19,5m (Phụ lục I, B11; Đơn giá: 422.705đ/md giảm 8,5% vì hàng rào cao 0,8m Đơn giá: 422.705đ/md - (422.705đ/md x 8,5%) = 386.775đ/md)</p> <p>- Mái che cột kèo sắt, mái tole, nền xi măng DT: 5,0m x 4,9m = 24,5m² (Phụ lục I, B4; Đơn giá: 1.078.134đ/m²)</p> <p>- Tường xây gạch cao 2,1m, dài 7,6m, móng 02 lớp đá chẻ (Phụ lục I, B9; Đơn giá: 861.578đ/md tăng 8,5% vì tường cao 2,1m Đơn giá: 861.578đ/md + (861.578đ/md x 8,5%) = 934.812đ/md)</p> <p>+ Ôp men tường DT: 1,2m x 7,6m = 9,12m² (Phụ lục II, A33; Đơn giá: 309.524đ/m²)</p> <p>- Tường xây gạch cao 2,3m; dài 1,4m, móng 02 lớp đá chẻ</p>	m ²	51,48	1.239.854	100%	100%	63.827.684	
				m ²	29,11	1.239.854	100%	100%	36.092.150	
				m ²	19,5	386.775	100%	100%	7.542.113	
				m ²	24,5	1.078.134	100%	100%	26.414.283	
				m ²	7,6	934.812	100%	100%	7.104.571	
				m ²	9,12	309.524	100%	100%	2.822.859	
				m ²	1,4	934.812	100%	100%	1.308.737	

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BÔI THƯỜNG, HỒ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
		<p>*Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên lai thuế thổ trạch các năm 1983-1995. - Sổ đăng ký ruộng đất. - Văn bản phân chia tài sản thừa kế. - Biên bản họp ngày 10/10/2022 (STT 1) - Thông báo niêm yết số 317 ngày 27/10/2022 (STT 1) - Biên bản niêm yết ngày 01/11/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 22/11/2022 	<p>(Phụ lục I, B9; Đơn giá: 861.578đ/md tăng 8,5% do tương cao 2,3m Đơn giá: 861.578đ/md + (861.578đ/md x 8,5%) = 934.812đ/md)</p> <p>- Nhà vệ sinh độc lập có hầm tự hoại, tường xây gạch, tường sơn nước, mái tole, không trần, cửa nhôm kính DT: (1,6m x 1,9m) + (2,6m x 1,6m) = 7,2m² (Phụ lục I, B7; Đơn giá: 5.511.315đ/m²XD)</p> <p>- Tường xây gạch cao 2,1m; dài 1,0m, móng 02 lớp đá chẻ (Phụ lục I, B9; Đơn giá: 861.578đ/md tăng 8,5% vì tương cao 2,1m Đơn giá: 861.578đ/md + (861.578đ/md x 8,5%) = 934.812đ/md)</p> <p>- Công trụ xây gạch, cửa sắt kéo DT: 2,5m x 2,1m = 5,25m² (Phụ lục I, B13; Đơn giá: 3.155.839đ/m²)</p> <p>- Mái che cột kèo gỗ tiêu chuẩn; mái tole, nền xi măng DT: (4,5m x 5,0m) + (3,0m x 5,5m) = 39m² (Phụ lục I, B3; Đơn giá: 607.922đ/m²)</p> <p>- Mái che cột kèo sắt, mái lợp lan, nền xi măng DT: 13,2m x 5,7m = 75,24m² (Phụ lục I, B4; Đơn giá: 1.078.134đ/m² giảm 8,5% do mái lợp lan Đơn giá: 1.078.134đ/m - (1.078.134đ/m x 8,5%) = 986.492đ/m²)</p> <p>- Tường rào lan can sắt cao 0,8m; dài 15,8m (ngoài tranh) (Phụ lục I, B11; Đơn giá: 422.705đ/md giảm 8,5% vì tương cao 0,8m Đơn giá: 422.705đ/md - (422.705đ/md x 8,5%) = 386.775đ/md)</p> <p>- Mái che cột kèo sắt, mái tole, nền lát</p>	<p>m²XD</p> <p>md</p> <p>m²</p> <p>m²</p> <p>m²</p> <p>m²</p> <p>md</p>	<p>7,2</p> <p>1,0</p> <p>5,25</p> <p>39,0</p> <p>75,24</p> <p>15,8</p> <p>216,34</p>	<p>5.511.315</p> <p>934.812</p> <p>3.155.839</p> <p>607.922</p> <p>986.492</p> <p>386.775</p> <p>1.169.775</p>	<p>100%</p> <p>100%</p> <p>100%</p> <p>100%</p> <p>100%</p> <p>100%</p> <p>100%</p>	<p>9</p> <p>8</p>	<p>39.681.468</p> <p>934.812</p> <p>16.568.155</p> <p>23.708.958</p> <p>74.223.658</p> <p>6.111.045</p> <p>253.069.124</p>	<p>11</p>

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
			<p>gạch bát tràng (mái có kết hợp lớp lưới lan);</p> <p>Diện tích: $(15,8m \times 10,0m) + (11,1m \times 2,2m) + (6,4m \times 5,3m) = 216,34 m^2$</p> <p>(Phụ lục I, B4; đơn giá: 1.078.134 đ/m² tăng 8,5% do nên lát gạch bát tràng;</p> <p>Đơn giá: $1.078.134đ/m^2 + (1.078.134đ/m^2 \times 8,5\%) = 1.169.775 đ/m^2$)</p> <p>- Nhà 1 tầng móng 2 lớp đá chèn cao 0,4m, tường xây gạch dày 100 cao 3,0m, tường sơn nước, nền xi măng, cửa gỗ thường, không trần, mái tole, không có nhà vệ sinh;</p> <p>Diện tích xây dựng = Diện tích giải tỏa: $3,2m \times 3,3m = 10,56m^2$</p> <p>(Phụ lục I, A5; Đơn giá 3.266.890 đ/m²XD điều chỉnh hệ số 1,13 do tường sơn nước, giảm 15% do không trần và không có nhà vệ sinh;</p> <p>Đơn giá: $3.266.890 đ/m^2 \times 1,13 - (3.266.890 đ/m^2 \times 15\%) = 3.201.552 đ/m^2 \times XD$)</p> <p>- Nhà 1 tầng, móng xây 2 lớp đá chèn cao 0,4m, tường xây gạch dày 100, chiều cao 3,0m, tường sơn nước, nền gạch men, cửa nhôm kính, trần nhựa, mái tole, không có nhà vệ sinh;</p> <p>Diện tích xây dựng = Diện tích giải tỏa: $3,2m \times 3,3m = 10,56m^2$</p> <p>(Phụ lục I, A5; Đơn giá 3.266.890 đ/m²XD điều chỉnh hệ số 1,13 do tường sơn nước, giảm 8,5% do không có nhà vệ sinh, cộng 250.442 đ/m²XD do nên gạch men;</p> <p>Đơn giá: $3.266.890 đ/m^2 \times 1,13 - (3.266.890 đ/m^2 \times 8,5\%) + 250.442 đ/m^2 \times XD = 3.664.342 đ/m^2 \times XD$)</p> <p>+ Ôp men mặt tiền nhà;</p> <p>Diện tích: $(1,7m \times 4,4m) + (1,2m \times 1,1m)$</p>	m ²	10,56	3.201.552		100%		33.808.389	
				m ²	10,96	309.524		100%	3.392.383		

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
			<p>+ (1,8m x 1,2m) = 10,96m² (Phụ lục II, A33; Đơn giá: 309.524 đ/m²)</p> <p>- Nhà (nhà bếp) một tầng, móng xây đá chẻ 2 lớp cao 0,4m, tường xây gạch cao 2,7m, tường sơn nước, nền gạch men, cửa nhôm kính, không trần, mái tole; Diện tích xây dựng = Diện tích giải tỏa: 7,5m x 3,5m = 26,25m² (Phụ lục I, A5; Đơn giá 3.266.890 đ/m²XD điều chỉnh hệ số 1,13 do tường sơn nước, giảm 8,5% do không trần, công 250.442 đ/m²XD do nền gạch men; Đơn giá: 3.266.890 đ/m²XD x 1,13 - (3.266.890 đ/m²XD x 8,5%) + 250.442 đ/m² = 3.664.342 đ/m²XD)</p> <p>+Ôp men nhà bếp; Diện tích: (1,8m x 21,6m) + (1,5m x 6,5m) = 48,63m² (Phụ lục II, A33; Đơn giá: 309.524 đ/m²)</p> <p>- Tường xây gạch cao 0,7m, dài 6m, móng 2 lớp đá chẻ. (Phụ lục I, B9; đơn giá: 861.578đ/md giảm 8,5% do tường cao 0,7m; Đơn giá: 861.578đ/md - (861.578đ/md x 8,5%) = 788.343đ/md)</p> <p>+Ôp đá granit; Diện tích: (2,9m x 0,9m) + (2,9m x 0,9m) = 5,22m² (Phụ lục II, A33; Đơn giá: 1.751.793 đ/m²)</p> <p>- Mái che cột kèo sắt, mái lưới lan, nền xi măng; Diện tích: 4,1m x 6,7m = 27,47 m² (Phụ lục I, B4; đơn giá: 1.078.134đ/m² giảm 8,5% do mái lưới lan; Đơn giá: 1.078.134đ/m² - (1.078.134đ/m² x 8,5%) = 986.492đ/m²)</p> <p>- Mái che cột kèo sắt, mái tole, nền xi măng;</p>	m ²	26,25	3.664.342	100%		96.188.978	
			<p>+Ôp men nhà bếp; Diện tích: (1,8m x 21,6m) + (1,5m x 6,5m) = 48,63m² (Phụ lục II, A33; Đơn giá: 309.524 đ/m²)</p> <p>- Tường xây gạch cao 0,7m, dài 6m, móng 2 lớp đá chẻ. (Phụ lục I, B9; đơn giá: 861.578đ/md giảm 8,5% do tường cao 0,7m; Đơn giá: 861.578đ/md - (861.578đ/md x 8,5%) = 788.343đ/md)</p> <p>+Ôp đá granit; Diện tích: (2,9m x 0,9m) + (2,9m x 0,9m) = 5,22m² (Phụ lục II, A33; Đơn giá: 1.751.793 đ/m²)</p> <p>- Mái che cột kèo sắt, mái lưới lan, nền xi măng;</p>	m ²	48,63	309.524	100%		15.052.152	
			<p>- Tường xây gạch cao 0,7m, dài 6m, móng 2 lớp đá chẻ. (Phụ lục I, B9; đơn giá: 861.578đ/md giảm 8,5% do tường cao 0,7m; Đơn giá: 861.578đ/md - (861.578đ/md x 8,5%) = 788.343đ/md)</p>	md	6,0	788.343	100%		4.730.058	
			<p>+Ôp đá granit; Diện tích: (2,9m x 0,9m) + (2,9m x 0,9m) = 5,22m² (Phụ lục II, A33; Đơn giá: 1.751.793 đ/m²)</p>	m ²	5,22	1.751.793	100%		9.144.359	
			<p>- Mái che cột kèo sắt, mái lưới lan, nền xi măng; Diện tích: 4,1m x 6,7m = 27,47 m² (Phụ lục I, B4; đơn giá: 1.078.134đ/m² giảm 8,5% do mái lưới lan; Đơn giá: 1.078.134đ/m² - (1.078.134đ/m² x 8,5%) = 986.492đ/m²)</p>	m ²	27,47	986.492	100%		27.098.935	
			<p>- Mái che cột kèo sắt, mái tole, nền xi măng;</p>	m ²	16,2	1.078.134	100%		17.465.771	

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
			<p>Diện tích: $9m \times 1,8m = 16,2m^2$ <i>(Phụ lục I, B4; Đơn giá: 1.078.134 đ/m²)</i></p> <p>- Nhà vệ sinh độc lập có hầm tự hoại, tường xây gạch, tường quét vôi, không trần, mái tole, cửa nhôm kính. DTXD=DTGT=21,1m²XD (Kèm sơ họa kích thước do Trung tâm Phát triển Quy hoạch lập ngày 10/12/2021) <i>(Phụ lục I, B7; Đơn giá: 5.511.315 đ/m²XD)</i></p> <p>- Tường xây gạch cao 0,4m, kết hợp khung sắt lưới B40 cao 1,2m; móng 2 lớp đá chẻ; dài 8,3m.</p> <p>+ Tường xây gạch cao 0,4m, dài 8,3m; Diện tích: $0,4m \times 8,3m = 3,32m^2$ <i>(Phụ lục II, A9; Đơn giá: 138.970đ/m²)</i></p> <p>+ Hàng rào khung sắt lưới B40 cao 1,2m dài 8,3m. <i>(Phụ lục I, B11; đơn giá: 422.705đ/md giảm 8,5% do cao 1,2m; Đơn giá: 422.705đ/md - (422.705đ/md x 8,5%) = 386.775đ/md)</i></p> <p>+ Móng 2 lớp đá chẻ cao 0,4m dài 8,3m; Khối lượng: $0,4m \times 0,2m \times 8,3m = 0,664m^3$ <i>(Phụ lục I, B30; Đơn giá: 2.210.809 đ/m³)</i></p> <p>- Công trụ xây gạch ($0,4 \times 0,4 \times 27$); cảnh khung sắt kết hợp lưới B40; Diện tích: $2,4m \times 5,1m = 12,24m^2$ <i>(Phụ lục I, B13; đơn giá: 3.155.839đ/m² giảm 8,5% do lưới B40; Đơn giá: 3.155.839đ/m² x 8,5%) = 2.887.592đ/m²)</i></p> <p>- Tường xây gạch cao 2m; dài 5,5m, móng 2 lớp đá chẻ. <i>(Phụ lục I, B9; đơn giá: 861.578đ/md tăng 8,5% do tường cao 2m.</i></p>	<p>m²XD</p> <p>m²</p> <p>md</p> <p>m³</p> <p>m²</p> <p>md</p>	<p>21,1</p> <p>3,32</p> <p>8,3</p> <p>0,664</p> <p>12,24</p> <p>5,5</p>	<p>5.511.315</p> <p>138.970</p> <p>386.775</p> <p>2.210.809</p> <p>2.887.592</p> <p>934.812</p>	<p>0</p> <p>100%</p> <p>100%</p> <p>100%</p> <p>100%</p> <p>100%</p>	<p>100%</p> <p>100%</p> <p>100%</p> <p>100%</p> <p>100%</p>	<p>0</p> <p>461.380</p> <p>3.210.233</p> <p>1.467.977</p> <p>35.344.126</p> <p>5.141.466</p>	<p>0</p> <p>461.380</p> <p>3.210.233</p> <p>1.467.977</p> <p>35.344.126</p> <p>5.141.466</p>

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)
1			<p>Không hỗ trợ theo quy định tại Điểm 1a Khoản 4 Điều 1 QĐ số 4/2022/QĐ-UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 09/3/2022</p> <p>2. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở: Không hỗ trợ theo quy định tại Điểm 2a Khoản 4 Điều 1 QĐ số 4/2022/QĐ-UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 09/3/2022</p> <p>3. Hỗ trợ di chuyển: Không hỗ trợ theo quy định tại Điểm 2e Khoản 4 Điều 1 QĐ số 4/2022/QĐ-UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 09/3/2022</p> <p>Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ</p> <p>V. Phần khen thưởng Căn cứ Điểm a, b Khoản 1, Điều 35, Quyết định 10/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa:</p> <p>- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định</p> <p>- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tại định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng đồng viên (3 triệu đồng/hộ).</p>	hộ	1	3.000.000			3.000.000	
			<p>VI. Tái định cư Hộ gia đình không đủ bố trí tái định cư theo quy định</p>							
									11.000.000	
									2.597.271.188	
									0	
									0	

B. TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1/ Số trường hợp bị giải tỏa:
2/ Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ:

:
: 01 trường hợp / 01 thửa
2.597.271.188 đồng

Trong đó:

- Bồi thường về đất
- Bồi thường về tài sản
- Bồi thường về cây trồng
- Bồi thường chi phí di chuyển
- Hỗ trợ khác

3/ Kinh phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ (2% tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ) chi cho các đơn vị có liên quan thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng:

- Trích cho phòng Tài nguyên và Môi trường (5% kinh phí tổ chức bồi thường hỗ trợ)
- Trích cho UBND phường Ngọc Hiệp (3% kinh phí tổ chức bồi thường hỗ trợ)
- Trích cho Tổ chức, cá nhân đã tham gia tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (1% kinh phí tổ chức bồi thường hỗ trợ)
- Trích cho Sở Tài nguyên và Môi trường (1% kinh phí tổ chức bồi thường hỗ trợ)

4/ Tổng kinh phí khen thưởng

5/ Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng và tổ chức thực hiện (đã làm tròn)

(Bảng chữ: Hai tỷ, sáu trăm sáu mươi triệu, hai trăm mười bảy ngàn đồng)

:	1.365.300.000 đồng
:	1.226.526.188 đồng
:	5.445.000 đồng
:	0
:	0
:	51.945.424 đồng
:	2.597.271 đồng
:	1.558.363 đồng
:	519.454 đồng
:	519.454 đồng
:	11.000.000 đồng
:	2.660.217.000 đồng

Người lập

Anh

Người soát

Uuu

Phụ trách phòng

chuan

Nguyễn Thị Anh

Lê Thị Thu Nguyệt

Đỗ Duy Luân

Ban QLDA Phát triển KH

(Chủ đầu tư)

GIÁM ĐỐC



Hồ Tấn Quang

Khánh Hòa, ngày 5 tháng 11 năm 2022

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KH

KI. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Tuấn

